

Số: 1085/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ
trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 150/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 (sau đây gọi là Kế hoạch).

Điều 2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu được giao tại Kế hoạch.

Văn phòng Chính phủ hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch và tổng hợp vướng mắc của các bộ, cơ quan, địa phương, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTTT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KSTT (2b). NTTL 80

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Bình Minh



KẾ HOẠCH

**Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ
trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025**
(Kèm theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg
ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi thống kê, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ

a) TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

b) TTHC nội bộ trong 01 bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là bộ, cơ quan, địa phương).

c) Các TTHC không thuộc phạm vi của Kế hoạch: TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; thủ tục xử lý vi phạm hành chính, thủ tục thanh tra và TTHC có nội dung bí mật nhà nước.

Chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước không thuộc phạm vi của Kế hoạch này.

2. Đối tượng thực hiện thống kê, rà soát, đơn giản hóa

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ:

- Thống kê, rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được quy định tại các văn bản do bộ, cơ quan tham mưu ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

- Thống kê, rà soát, phê duyệt và thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ trong bộ, cơ quan được quy định tại các văn bản do bộ, cơ quan ban hành theo thẩm quyền.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (UBND cấp tỉnh):

Thống kê, rà soát, phê duyệt và thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ trong tỉnh (gồm: TTHC giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong tỉnh; TTHC giữa các sở, ngành và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh) do UBND/Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền.

II. MỤC TIÊU

1. Về thống kê, công bố, công khai

Trước ngày 01 tháng 4 năm 2023, 100% TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan, địa phương được thống kê, công bố (lần đầu) và 100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

2. Về rà soát, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa

a) Đối với TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước:

Trước ngày 01 tháng 01 năm 2025, 100% TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ được rà soát, đơn giản hóa, bảo đảm đạt tỷ lệ cắt giảm ít nhất 20% TTHC và 20% chi phí tuân thủ TTHC. Trong đó:

- Trước ngày 01 tháng 10 năm 2023: Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trên các lĩnh vực trọng tâm ưu tiên rà soát, đơn giản hóa tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Trước ngày 01 tháng 01 năm 2024: Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với ít nhất 50% TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý.

- Trước ngày 01 tháng 01 năm 2025: Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với 100% TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý.

b) Đối với TTHC nội bộ trong 01 bộ, cơ quan, địa phương:

Trước ngày 01 tháng 01 năm 2025, 100% TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý bộ, cơ quan, địa phương được rà soát, đơn giản hóa, bảo đảm đạt tỷ lệ cắt giảm ít nhất 20% TTHC và 20% chi phí tuân thủ TTHC. Trong đó:

- Trước ngày 01 tháng 01 năm 2024: Các bộ, cơ quan, địa phương rà soát và phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với ít nhất 50% TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý.

- Trước ngày 01 tháng 01 năm 2025: Các bộ, cơ quan, địa phương rà soát và phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với 100% TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý.

III. YÊU CẦU

1. Các bộ, cơ quan, địa phương xác định rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ là một trong những nhiệm vụ cải cách TTHC trọng tâm. Kết quả triển khai Kế hoạch này là một trong các căn cứ để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC của các bộ, cơ quan, địa phương trong giai đoạn 2022 - 2025.

2. Các bộ, cơ quan, địa phương tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, thống nhất, khoa học các công việc cụ thể được giao tại Kế hoạch, bảo đảm tiến độ, chất lượng và mục tiêu đề ra.

3. Tiêu chí, cách thức, quy trình thống kê, công bố, công khai, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và TTHC nội bộ trong 01 bộ, cơ quan, địa phương thực hiện thống nhất theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

4. Các bộ, cơ quan, địa phương chủ động tổ chức triển khai Kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ, Tổ công tác xây dựng, triển khai Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ giai đoạn 2022 - 2025 (Tổ công tác) và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan trong quá trình thực hiện.

IV. NỘI DUNG NHIỆM VỤ

1. Xây dựng tài liệu, công cụ, tổ chức tập huấn, hướng dẫn, ban hành Kế hoạch

a) Xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn bộ, cơ quan, địa phương xây dựng Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ; hướng dẫn phạm vi, cách thức, quy trình, thời hạn thực hiện thống kê, công bố, công khai, rà soát, xây dựng phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ.

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Chính phủ.
- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan, địa phương, Tổ công tác.
- Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 15 tháng 10 năm 2022.
- Sản phẩm: Văn bản hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

b) Nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; phát triển tính năng rà soát TTHC nội bộ trên các hệ thống thông tin của Văn phòng Chính phủ để đáp ứng yêu cầu triển khai Kế hoạch.

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Chính phủ.
- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan, địa phương.
- Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 01 tháng 01 năm 2023.

- Sản phẩm: Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, các hệ thống thông tin được nâng cấp, phát triển, hỗ trợ các bộ, cơ quan, địa phương quản lý, thực hiện công khai, rà soát TTHC nội bộ.

c) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ thống kê, công bố, công khai, rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ cho các bộ, cơ quan, địa phương.

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Chính phủ.
- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan, địa phương, Tổ công tác.
- Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 01 tháng 01 năm 2023.

- Sản phẩm: Các hội nghị tập huấn được tổ chức.

d) Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ giai đoạn 2022 - 2025 của bộ, cơ quan, địa phương:

- Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan, địa phương.

- Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 01 tháng 11 năm 2022.

- Sản phẩm: Kế hoạch của các bộ, cơ quan, địa phương được ban hành.

2. Thống kê, công bố, công khai TTHC nội bộ

a) Cơ quan chủ trì:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ thống kê, công bố TTHC nội bộ theo phạm vi tại mục I Kế hoạch này, công khai TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thống kê, công bố TTHC nội bộ theo phạm vi tại mục I Kế hoạch này.

b) Cơ quan phối hợp: Văn phòng Chính phủ, Tổ công tác (đối với TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước).

c) Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 01 tháng 4 năm 2023.

d) Sản phẩm:

- Quyết định công bố TTHC nội bộ (lần đầu) thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan, địa phương.

- TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ đã công bố được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

3. Tổ chức rà soát, phê duyệt, thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên các lĩnh vực trọng tâm ưu tiên

a) Danh mục TTHC/nhóm TTHC trên các lĩnh vực trọng tâm ưu tiên rà soát, đơn giản hóa, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp: Tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b) Quy trình, cách thức, tiêu chí, thời hạn rà soát, trách nhiệm của các đơn vị thuộc bộ, cơ quan, địa phương: Theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

c) Thời hạn hoàn thành:

- Trình phê duyệt phương án: Trước ngày 01 tháng 10 năm 2023.

- Thực thi phương án: Theo thời hạn xác định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của từng bộ, cơ quan.

d) Sản phẩm:

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan.

- Các văn bản thực thi phương án đơn giản hóa được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

4. Tổ chức rà soát, phê duyệt, thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước không thuộc lĩnh vực trọng tâm ưu tiên

a) Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan.

b) Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan, địa phương liên quan, Văn phòng Chính phủ, Tổ công tác.

c) Thời hạn hoàn thành:

- Trình phê duyệt phương án:

+ Lần 1: Trước ngày 01 tháng 01 năm 2024;

+ Lần 2: Trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

- Thực thi phương án: Theo thời hạn xác định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của từng bộ, cơ quan.

d) Sản phẩm:

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan.

- Các văn bản thực thi phương án đơn giản hóa được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

5. Tổ chức rà soát, phê duyệt và thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ trong từng bộ, cơ quan, địa phương

a) Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan, địa phương.

b) Thời hạn hoàn thành:

- Phê duyệt phương án:

+ Lần 1: Trước ngày 01 tháng 01 năm 2024;

+ Lần 2: Trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

- Thực thi phương án:

+ Lần 1: Trước ngày 01 tháng 07 năm 2024;

+ Lần 2: Trước ngày 01 tháng 07 năm 2025.

Thời hạn cụ thể xác định tại Quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ trong từng bộ, cơ quan, địa phương.

c) Sản phẩm:

- Quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ trong bộ, cơ quan, địa phương.

- Các văn bản thực thi phương án đơn giản hóa được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo thẩm quyền.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Kế hoạch này và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ để triển khai thực hiện, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, đúng tiến độ.

2. Ngoài các nội dung nhiệm vụ theo Kế hoạch này, căn cứ tình hình thực tế tại bộ, cơ quan, địa phương, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định việc rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong từng đơn vị thuộc bộ, cơ quan mình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định việc rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong từng sở, ngành và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh, nội bộ trong Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh và xác định cụ thể tại Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ giai đoạn 2022 - 2025 của bộ, cơ quan, địa phương.

Các bộ, cơ quan, địa phương vận dụng hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ để thống kê, công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong từng đơn vị thuộc bộ, cơ quan, trong từng sở, ngành và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh, trong UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

3. Các bộ, cơ quan, địa phương bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao; khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.



Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
TRÊN CÁC LĨNH VỰC TRỌNG TÂM ƯU TIÊN RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg
ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Lĩnh vực/nhóm quy định, TTHC	Trách nhiệm		Căn cứ pháp lý
		Chủ trì	Phối hợp	
I	Quản lý ngân sách nhà nước			
1	Dự phòng ngân sách nhà nước.	Bộ Tài chính	Bộ, cơ quan, địa phương liên quan	Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Quỹ dự trữ tài chính.			
II	Quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan dự trữ nhà nước			
1	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước.	Bộ Tài chính	Bộ, cơ quan, địa phương liên quan	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Giao, thu hồi đất thuộc trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước.	Bộ Tài chính	Bộ Tài nguyên và Môi trường và bộ, cơ quan liên quan	
3	Thống kê, kiểm kê, đánh giá lại, báo cáo tài sản công tại cơ quan nhà nước.	Bộ Tài chính	Bộ, cơ quan, địa phương liên quan	
III	Quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên			
1	Sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao.	Bộ Tài chính	Bộ Tài nguyên và Môi trường và bộ, cơ quan liên quan	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng.			

IV	Quản lý đầu tư công			
1	Thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia; dự án quan trọng quốc gia; các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C; dự án đầu tư công tại nước ngoài; dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).			
2	Thẩm định, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia; dự án quan trọng quốc gia; các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C; dự án đầu tư công tại nước ngoài; dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, cơ quan, địa phương liên quan	Luật Đầu tư công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
3	Thẩm định, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án.			
4	Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.			
5	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn.			
6	Giám sát đầu tư của cộng đồng.			
V	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài			
1	Phê duyệt đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.			
2	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, cơ quan, địa phương liên quan	Luật Đầu tư công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
3	Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.			
4	Điều chỉnh chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.			

5	Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.				
6	Quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.				
7	Quyết định chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.				
8	Thẩm định và quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại.				
9	Điều chỉnh Quyết định chủ trương thực hiện và Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án.				
VI	Tổ chức bộ máy				
1	Thành lập tổ chức hành chính.	Bộ vụ	Nội vụ	Bộ, cơ quan, địa phương liên quan	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính
2	Tổ chức lại tổ chức hành chính.				
3	Giải thể tổ chức hành chính.				
4	Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.	Bộ vụ	Nội vụ	Bộ, cơ quan, địa phương liên quan	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.
5	Tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập.				
6	Giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.				
VII	Cán bộ, công chức, viên chức				
1	Chấm dứt tập sự và bổ nhiệm vào ngạch công chức.	Bộ vụ	Nội vụ	Bộ, cơ quan, địa phương liên quan	Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản quy định
2	Bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức.				

3	Điều động, biệt phái cán bộ, công chức, viên chức.			chi tiết, hướng dẫn thi hành
VIII Thi đua, khen thưởng				
1	Tặng danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cơ sở, chiến sỹ thi đua toàn quốc cho cá nhân cán bộ, công chức, viên chức.	Bộ vụ	Nội Bộ, cơ quan, địa phương liên quan	Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Tặng kỷ niệm chương cho cán bộ, công chức, viên chức.			
3	Tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua của Chính phủ.			
4	Tặng Bằng khen (thủ trưởng cơ quan, Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ...) cho cán bộ, công chức, viên chức.			
5	Tặng Bằng khen (thủ trưởng cơ quan, Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ...) cho tập thể.			
6	Khen thưởng bậc cao (huân, huy chương các loại) cho cán bộ, công chức, viên chức và các cơ quan hành chính nhà nước.			
IX Tổ chức chính quyền địa phương				
1	Phân loại đơn vị hành chính.	Bộ vụ	Nội Bộ, cơ quan, địa phương liên quan	Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Thành lập địa giới đơn vị hành chính.			
3	Giải thể địa giới đơn vị hành chính.			
4	Nhập địa giới đơn vị hành chính.			
5	Chia địa giới đơn vị hành chính.			
6	Điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính.			
X Quản lý đất đai				

1	Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất (cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, đất quốc phòng - an ninh).	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và bộ, cơ quan, địa phương liên quan	Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.			
XI	Quản lý, điều hành chính sách điện năng			
1	Thủ tục điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện: - Trường hợp tăng giá bán lẻ điện bình quân từ 5% đến dưới 10% so với giá điện bình quân hiện hành và trong khung giá quy định; - Trường hợp điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện bình quân từ 10% trở lên so với giá điện bình quân hiện hành hoặc ngoài khung giá quy định hoặc ảnh hưởng đến tình hình kinh tế vĩ mô.	Bộ Công Thương	Bộ, cơ quan, địa phương liên quan	Luật Điện lực và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Phê duyệt khung giá phát điện, khung giá bán buôn điện, giá truyền tải điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, phí điều độ vận hành hệ thống điện và phí điều hành giao dịch thị trường điện lực.			
XII	Giao thông đường bộ			
1	Quyết định phân loại và điều chỉnh các hệ thống đường bộ: quốc lộ; đường tỉnh, đường đô thị; đường huyện, đường xã; đường chuyên dùng.			
2	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản hình thành từ dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.			

3	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trung ương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Giao thông vận tải	Bộ, cơ quan, địa phương liên quan	Luật Giao thông đường bộ và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
4	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.			
5	Phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.			
6	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.			
7	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.			
8	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản.			
9	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.			
10	Bán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.			
11	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.			
12	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.			